

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TỈNH HÒA BÌNH
HỘI ĐỒNG TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC NĂM 2021

KẾT QUẢ PHỎNG VẤN VÀ TỔNG ĐIỂM XÉT TUYỂN
TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC NĂM 2021

Phòng số:

1

TT	SBD	Họ và tên	N.Sinh	GT	D.Tộc	DUT	T.Độ	Chuyên ngành	LTN	Vị trí tuyển	ĐUT	ĐPV	Tổng	Ghi chú
1	0001	Bạch Hương Cúc	11/10/1998	Nữ	Mường	2	ĐH	Sư phạm Ngữ văn	Khá	GV VAN-DTNT LgS	5,00			Bỏ thi
2	0002	Nguyễn Thị Huyền	26/01/1989	Nữ	Kinh		ĐH	Sư phạm Ngữ văn	Khá	GV VAN-DTNT LgS		88,00	88,00	
3	0003	Nguyễn Thị Hường	21/12/1996	Nữ	Kinh		ĐH	Sư phạm Ngữ văn	Khá	GV VAN-DTNT LgS		45,00	45,00	
4	0004	Hoàng Thị Thùy Linh	10/10/1993	Nữ	Tày	2	ĐH	Sư phạm Ngữ văn-	Khá	GV VAN-DTNT LgS	5,00	45,00	50,00	
5	0005	Lê Thị Thùy Linh	17/08/1998	Nữ	Kinh		ĐH	Sư phạm Ngữ văn	Giỏi	GV VAN-DTNT LgS				Bỏ thi
6	0006	Ninh Phương Nga	07/11/1999	Nữ	Kinh		ĐH	Sư phạm Ngữ văn	Giỏi	GV VAN-DTNT LgS		90,00	90,00	
7	0007	Hà Thị Nụ	23/02/1995	Nữ	Kinh		ĐH	Sư phạm Ngữ văn	Giỏi	GV VAN-DTNT LgS		45,00	45,00	
8	0008	Bùi Thị Thơ	07/10/1991	Nữ	Mường	2	ĐH	Sư phạm Ngữ văn	Khá	GV VAN-DTNT LgS	5,00	40,00	45,00	
9	0009	Nguyễn Thị Thùy Trang	14/05/1998	Nữ	Kinh		ĐH	Sư phạm Ngữ văn	Giỏi	GV VAN-DTNT LgS		70,00	70,00	
10	0010	Trần Huyền Trang	17/09/1997	Nữ	Kinh		ĐH	Sư phạm Ngữ văn	Khá	GV VAN-DTNT LgS		40,00	40,00	
11	0011	Vũ Thị Huyền Trang	15/08/1993	Nữ	Mường	2	ĐH	Sư phạm Mỹ thuật	Khá	GV MYTHUAT-DTNT CP	5,00	50,00	55,00	
12	0012	Hà Thành Đạt	18/10/1993	Nam	Thái	2	ĐH	Sư phạm Âm nhạc	Khá	GV AM NHAC-DTNT B MC	5,00	45,00	50,00	
13	0013	Lê Thành Nam	16/03/1995	Nam	Kinh		ĐH	Sư phạm Âm nhạc	TB	GV AM NHAC-DTNT B MC		50,00	50,00	
14	0014	Hoàng Thành Công	14/02/1987	Nam	Mường	2	ĐH	Tiếng Anh	Khá	GV ANH-DTNT B ĐB	5,00	52,00	57,00	
15	0015	Bùi Thị Phương	01/11/1998	Nữ	Mường	2	ĐH	Sư phạm Mỹ thuật	Khá	GV MYTHUAT-DTNT B ĐB	5,00	53,00	58,00	
16	0016	Hoàng Thị Hà Giang	28/08/1992	Nữ	Kinh		ĐH	Toán học	Khá	GV TOAN-THPT NLS		42,00	42,00	
17	0017	Trần Thị Phương	24/12/1983	Nữ	Kinh		ĐH	Sư phạm Toán học	Khá	GV TOAN-THPT NLS		45,00	45,00	
18	0018	Vũ Thị Phương Thanh	04/05/1994	Nữ	Kinh		ĐH	Sư phạm Toán học	Khá	GV TOAN-THPT NLS				Bỏ thi
19	0019	Nguyễn Phương Thảo	19/02/1996	Nữ	Kinh		Th.S	Sư phạm Toán học	Giỏi	GV TOAN-THPT NLS		45,00	45,00	
20	0020	Vũ Thị Thu Trà	08/07/1998	Nữ	Kinh		ĐH	Sư phạm Toán học	Giỏi	GV TOAN-THPT NLS		60,00	60,00	
21	0021	Nguyễn Thị Bích	04/10/1998	Nữ	Mường	2	ĐH	Giáo dục thể chất	Giỏi	GV GDTC-THPT NLS	5,00	55,00	60,00	

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TỈNH HÒA BÌNH
HỘI ĐỒNG TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC NĂM 2021

KẾT QUẢ PHÒNG VẤN VÀ TỔNG ĐIỂM XÉT TUYỂN
TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC NĂM 2021

Phòng số:

1

TT	SBD	Họ và tên	N.Sinh	GT	D.Tộc	DUT	T.Độ	Chuyên ngành	LTN	Vị trí tuyển	ĐUT	ĐPV	Tổng	Ghi chú
22	0022	Quách Đình Cử	20/07/1997	Nam	Mường	2	ĐH	Giáo dục thể chất	Khá	GV GDTC-THPT NLS	5,00	45,00	50,00	
23	0023	Bùi Tuấn Thành	02/09/1997	Nam	Mường	2	ĐH	Giáo dục thể chất	Khá	GV GDTC-THPT NLS	5,00	52,00	57,00	
24	0024	Bùi Thị Hòa Bình	21/12/1997	Nữ	Mường	2	ĐH	Sư phạm Lịch sử	TB	GV LỊCH SU-THPT NLS	5,00			Bỏ thi
25	0025	Bùi Văn Chiến	28/12/1988	Nam	Mường	2	Th.S	Sư phạm Lịch sử	Giỏi	GV LỊCH SU-THPT NLS	5,00			Bỏ thi
26	0026	Lê Thị Liên	08/09/1986	Nữ	Kinh		ĐH	Sư phạm Lịch sử - G	Khá	GV LỊCH SU-THPT NLS		45,00	45,00	
27	0027	Trần Thị Mai Loan	28/05/1989	Nữ	Kinh		ĐH	Sư phạm Lịch sử	Khá	GV LỊCH SU-THPT NLS		70,00	70,00	
28	0028	Hà Văn Lực	07/05/1993	Nam	Thái	2	ĐH	Sư phạm Lịch sử	Giỏi	GV LỊCH SU-THPT NLS	5,00			Bỏ thi
29	0029	Vũ Thị Tình	25/06/1991	Nữ	Kinh		ĐH	Sư phạm Lịch sử	Giỏi	GV LỊCH SU-THPT NLS				Bỏ thi
30	0030	Bùi Thị Hồng Dung	28/05/1991	Nữ	Mường	2	ĐH	Sư phạm Địa lý	Giỏi	GV ĐỊA-THPT TY	5,00	53,00	58,00	
31	0031	Bùi Thị Dung	01/10/1994	Nữ	Mường	2	ĐH	Sư phạm Địa lý	Khá	GV ĐỊA-THPT TY	5,00			Bỏ thi
32	0032	Lâm Diệu Lanh	30/09/1995	Nữ	Kinh		ĐH	Sư phạm Địa lý	Giỏi	GV ĐỊA-THPT TY				Bỏ thi
33	0033	Đỗ Thị Bạch Phương	19/05/1989	Nữ	Mường	2	ĐH	Sư phạm Địa lý	Khá	GV ĐỊA-THPT TY	5,00	50,00	55,00	

Ghi chú: Các cột N.Sinh (Năm sinh), GT (Giới tính), D.Tộc (Dân tộc), DUT (Diện ưu tiên), LNT (Loại tốt nghiệp), T.Chỉ (Học theo tín chỉ), ĐHT (Điểm học tập), ĐTN (Điểm tốt nghiệp), BT (Bỏ thi), ĐPV (Điểm phỏng vấn), Tổng (Tổng điểm xét tuyển).

Thư ký



Trần Thị Thu Hà

Hòa Bình, ngày 13 tháng 12 năm 2021

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG



Bùi Thị Kim Tuyền

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TỈNH HÒA BÌNH
HỘI ĐỒNG TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC NĂM 2021

KẾT QUẢ PHỎNG VẤN VÀ TỔNG ĐIỂM XÉT TUYỂN
TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC NĂM 2021

Phòng số: 2

TT	SBD	Họ và tên	N.Sinh	GT	D.Tộc	DUT	T.Độ	Chuyên ngành	LTN	Vị trí tuyển	ĐUT	ĐPV	Tổng	Ghi chú
1	0034	Phạm Hoàng Việt	08/11/1979	Nam	Mường	2	ĐH	Sư phạm Địa lý	Khá	GV ĐỊA-THPT TY	5,00	75,00	80,00	
2	0035	Hoàng Lan Anh	21/04/1997	Nữ	Kinh		ĐH	Sư phạm Toán học	Giỏi	GV TOAN-THPT SB				Bỏ thi
3	0036	Dư Thị Bình	06/10/1989	Nữ	Kinh		ĐH	Sư phạm Toán học	Khá	GV TOAN-THPT SB				Bỏ thi
4	0037	Trần Anh Đức	24/09/1998	Nam	Kinh		ĐH	Sư phạm Toán học	Khá	GV TOAN-THPT SB		58,00	58,00	
5	0038	Nguyễn Thị Hà	23/05/1991	Nữ	Kinh		ĐH	Sư phạm Toán học	Khá	GV TOAN-THPT SB		83,00	83,00	
6	0039	Trần Ngọc Thái Hòa	12/07/1992	Nữ	Kinh		ĐH	Toán	TB	GV TOAN-THPT SB		89,00	89,00	
7	0040	Bùi Thị Thu Phương	24/02/1993	Nữ	Mường	2	ĐH	Sư phạm Toán học	TB	GV TOAN-THPT SB	5,00	51,00	56,00	
8	0041	Quách Thị Vượng	12/06/1995	Nữ	Mường	2	ĐH	Sư phạm Toán học	Khá	GV TOAN-THPT SB	5,00			Bỏ thi
9	0042	Nguyễn Thị Định	14/05/1988	Nữ	Kinh		ĐH	Sư phạm Tiếng Anh	Khá	GV ANH-THPT SB		64,00	64,00	
10	0043	Mai Thị Hà Lan	09/08/1981	Nữ	Kinh	2	ĐH	Sư phạm Tiếng Anh	TBK	GV ANH-THPT SB	5,00	75,00	80,00	
11	0044	Trần Thị Hòa	05/11/1997	Nữ	Kinh		ĐH	Sư phạm Hóa học	Khá	GV HOA-THPT BS		86,00	86,00	
12	0045	Nguyễn Thị Thúy	06/12/1996	Nữ	Kinh		ĐH	Sư phạm Hóa học	Giỏi	GV HOA-THPT BS		80,00	80,00	
13	0046	Bùi Thị Diệu	02/11/1992	Nữ	Mường	2	ĐH	Sư phạm Vật Lý	Khá	GV LY-THPT LaS	5,00	52,00	57,00	
14	0047	Bùi Văn Khuân	05/12/1986	Nam	Mường	2	ĐH	Sư phạm Vật lý	Khá	GV LY-THPT LaS	5,00	78,00	83,00	
15	0048	Nguyễn Thị Thu Hà	03/05/1988	Nữ	Kinh		ĐH	Sư phạm Toán học	Khá	GV TOAN-THPT CoH		85,00	85,00	
16	0049	Bùi Thị Linh	13/07/1991	Nữ	Mường	2	ĐH	Sư phạm Toán học	Khá	GV TOAN-THPT CoH	5,00	84,00	89,00	
17	0050	Vũ Văn Sơn	10/06/1994	Nam	Kinh		ĐH	Sư phạm Toán học	TB	GV TOAN-THPT CoH		78,00	78,00	
18	0051	Lưu Văn Tuấn	26/09/1989	Nam	Kinh		ĐH	Sư phạm Vật lý	TB	GV LY-THPT CoH		82,00	82,00	
19	0052	Phan Thị Ánh	19/10/1994	Nữ	Kinh		Th.S	Sư phạm Hóa học	Giỏi	GV HOA-THPT CoH				Bỏ thi
20	0053	Bùi Thị Duyệt	29/08/1993	Nữ	Mường	2	ĐH	Sư phạm Hóa học	Khá	GV HOA-THPT CoH	5,00	85,00	90,00	
21	0054	Nguyễn Thị Mỹ Hạnh	10/11/1996	Nữ	Kinh		ĐH	Sư phạm Hóa học	Khá	GV HOA-THPT CoH		92,00	92,00	

Nguyễn Thị Mỹ Hạnh

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TỈNH HÒA BÌNH
HỘI ĐỒNG TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC NĂM 2021

KẾT QUẢ PHỎNG VẤN VÀ TỔNG ĐIỂM XÉT TUYỂN
TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC NĂM 2021

Phòng số:

2

TT	SBD	Họ và tên	N.Sinh	GT	D.Tộc	DUT	T.Độ	Chuyên ngành	LTN	Vị trí tuyển	ĐUT	ĐPV	Tổng	Ghi chú
22	0055	Vũ Thị Hương	19/02/1995	Nữ	Kinh		Th.S	Sư phạm Hóa học	Khá	GV HOA-THPT CoH		91,00	91,00	
23	0056	Phạm Công Mạnh	06/09/1994	Nam	Kinh		ĐH	Sư phạm Hóa học	Khá	GV HOA-THPT CoH		72,00	72,00	
24	0057	Bùi Thị Hường	01/02/1990	Nữ	Mường	2	ĐH	Sư phạm Ngữ văn	Khá	GV VAN-THPT CoH	5,00	75,00	80,00	
25	0058	Dương Thị Phụng	06/11/1993	Nữ	Kinh		ĐH	Sư phạm Ngữ văn	Khá	GV VAN-THPT CoH				Bỏ thi
26	0059	Bùi Thị Sơn	15/05/1990	Nữ	Mường	2	ĐH	Sư phạm Ngữ văn	Khá	GV VAN-THPT CoH	5,00	80,00	85,00	
27	0060	Bùi Thị Minh Thạo	25/02/1990	Nữ	Mường	2	ĐH	Sư phạm Ngữ văn	Khá	GV VAN-THPT CoH	5,00			Bỏ thi
28	0061	Bùi Hương Thủy	09/05/1990	Nữ	Mường	2	ĐH	Sư phạm Ngữ văn	Khá	GV VAN-THPT CoH	5,00	57,00	62,00	
29	0062	Đỗ Như Trang	10/07/1987	Nữ	Kinh		ĐH	Sư phạm Ngữ văn	TBK	GV VAN-THPT CoH		81,00	81,00	
30	0063	Bùi Thị Như Chiêu	18/03/1992	Nữ	Mường	2	ĐH	Sư phạm Tiếng Anh	Khá	GV ANH-THPT CoH	5,00	63,00	68,00	
31	0064	Bùi Thị Thu	05/09/1988	Nữ	Mường	2	ĐH	Sư phạm Vật lý	Khá	GV LY-THPT ĐĐ	5,00	65,00	70,00	
32	0065	Bùi Thị Nha	26/04/1993	Nữ	Mường	2	ĐH	Văn học	Khá	GV VAN-THPT LV	5,00	75,00	80,00	
33	0066	Vũ Thị Phương	02/12/1996	Nữ	Kinh		ĐH	Sư phạm Ngữ văn	Khá	GV VAN-THPT LV		82,00	82,00	

Ghi chú: Các cột N.Sinh (Năm sinh), GT (Giới tính), D.Tộc (Dân tộc), DUT (Điện ưu tiên), LNT (Loại tốt nghiệp), T.Chỉ (Học theo tín chỉ), ĐHT (Điểm học tập), ĐTN (Điểm tốt nghiệp), BT (Bỏ thi), ĐPV (Điểm phỏng vấn), Tổng (Tổng điểm xét tuyển)

Thư ký



Trần Thị Thu Hà

Hòa Bình, ngày 13 tháng 12 năm 2021

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG



Bùi Thị Kim Tuyền

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TỈNH HÒA BÌNH
HỘI ĐỒNG TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC NĂM 2021

KẾT QUẢ PHỎNG VẤN VÀ TỔNG ĐIỂM XÉT TUYỂN
TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC NĂM 2021

Phòng số:

3

TT	SBD	Họ và tên	N.Sinh	GT	D.Tộc	DUT	T.Độ	Chuyên ngành	LTN	Vị trí tuyển	ĐUT	ĐPV	Tổng	Ghi chú
1	0067	Bùi Thị Nguyệt	12/02/1997	Nữ	Mường	2	ĐH	Sư phạm Tiếng Anh	TB	GV ANH-THPT MgB	5,00			Bỏ thi
2	0068	Bùi Thị Tường	05/05/1992	Nữ	Mường	2	ĐH	Sư phạm Toán học	Giỏi	GV TOAN-THPT MC	5,00	50,00	55,00	
3	0069	Bùi Thu Hương	21/02/1987	Nữ	Kinh		ĐH	Ngôn ngữ Anh	Giỏi	GV ANH-THPT MC				Bỏ thi
4	0070	Khà Thị Lan	25/02/1995	Nữ	Thái	2	ĐH	Sư phạm Vật lý	Khá	GV LY-THPT MC B	5,00	75,00	80,00	
5	0071	Đỗ Tiến Dũng	26/08/1999	Nam	Kinh		ĐH	Sư phạm Ngữ văn	Giỏi	GV VAN-THPT MC B		50,00	50,00	
6	0072	Hoàng Thị Lưu	10/03/1987	Nữ	Mường	2	ĐH	Sư phạm Ngữ văn	TBK	GV VAN-THPT MC B	5,00	70,00	75,00	
7	0073	Bùi Thị Trang	01/05/1990	Nữ	Mường	2	ĐH	Sư phạm Ngữ văn	Giỏi	GV VAN-THPT MC B	5,00	75,00	80,00	
8	0074	Hà Thị Yến	06/10/1995	Nữ	Thái	2	ĐH	Sư phạm Ngữ văn	Khá	GV VAN-THPT MC B	5,00	79,00	84,00	
9	0075	Hà Mỹ Hạnh	05/08/1998	Nữ	Mường	2	ĐH	Sư phạm Địa lý	Khá	GV ĐỊA-THPT MC B	5,00	86,00	91,00	
10	0076	Vì Thị Huê	21/09/1991	Nữ	Thái	2	ĐH	Sư Phạm Địa lý	Khá	GV ĐỊA-THPT MC B	5,00	80,00	85,00	
11	0077	Lò Thị Lan	14/11/1997	Nữ	Thái	2	ĐH	Sư phạm Địa lý	Khá	GV ĐỊA-THPT MC B	5,00	77,00	82,00	
12	0078	Bùi Thị Thanh	19/01/1991	Nữ	Mường	2	ĐH	Sư phạm Địa lý	Khá	GV ĐỊA-THPT MC B	5,00	70,00	75,00	
13	0079	Phạm Anh Tú	21/12/1998	Nam	Kinh		ĐH	Sư phạm Địa lý	Khá	GV ĐỊA-THPT MC B		80,00	80,00	
14	0080	Lê Đức Thành	17/02/1993	Nam	Kinh		ĐH	Công nghệ thông tin	TBK	GV TIN-THPT MC B		83,00	83,00	
15	0081	Phan Văn Thành	27/04/1996	Nam	Kinh		ĐH	Công nghệ thông tin	Giỏi	GV TIN-THPT MC B		35,00	35,00	
16	0082	Đinh Thị Thanh Nhân	01/05/1990	Nữ	Kinh	2	ĐH	Sư phạm Toán học	Khá	GV TOAN-THPT MgC	5,00	65,00	70,00	
17	0083	Hà Văn Chung	05/11/1985	Nam	Mường	2	Th.S	Sư phạm Vật lý	TB	GV LY-THPT MgC	5,00	50,00	55,00	
18	0084	Hoàng Thị Hải Yến	13/10/1991	Nữ	Nùng	2	ĐH	Sư phạm Vật lý	TB	GV LY-THPT MgC	5,00	73,00	78,00	
19	0085	Vũ Thị Linh	16/03/1998	Nữ	Kinh		ĐH	Sư phạm Sinh học	Giỏi	GV SINH-THPT MgC				Bỏ thi
20	0086	Vũ Thị Ngân	19/10/1996	Nữ	Mường	2	ĐH	Sư phạm Sinh học	Giỏi	GV SINH-THPT MgC	5,00	75,00	80,00	
21	0087	Bạch Thị Thảo	21/10/1993	Nữ	Mường	2	ĐH	Sư phạm Sinh học	Khá	GV SINH-THPT MgC	5,00	60,00	65,00	

(Chữ ký)

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TỈNH HÒA BÌNH
HỘI ĐỒNG TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC NĂM 2021

KẾT QUẢ PHỎNG VẤN VÀ TỔNG ĐIỂM XÉT TUYỂN
TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC NĂM 2021

Phòng số:

3

TT	SBD	Họ và tên	N.Sinh	GT	D.Tộc	DUT	T.Độ	Chuyên ngành	LTN	Vị trí tuyển	ĐUT	ĐPV	Tổng	Ghi chú
22	0088	Lý Thị Nga	09/12/1995	Nữ	Dao	2	ĐH	Sư phạm Ngữ văn	Khá	GV VAN-THPT MgC	5,00	40,00	45,00	
23	0089	Xa Thị Quí	23/04/1992	Nữ	Tày	2	ĐH	Sư phạm Ngữ văn	Khá	GV VAN-THPT MgC	5,00	75,00	80,00	
24	0090	Lường Văn Thuận	14/01/1995	Nam	Tày	2	ĐH	Sư phạm Ngữ văn	TB	GV VAN-THPT MgC	5,00	57,00	62,00	
25	0091	Hà Tuấn Anh	07/10/1994	Nam	Mường	2	ĐH	Giáo dục thể chất	Khá	GV GDTC-THPT MgC	5,00	20,00	25,00	
26	0092	Bùi Văn Bạ	28/12/1991	Nam	Mường	2	ĐH	Giáo dục thể chất	Giỏi	GV GDTC-THPT MgC	5,00	62,00	67,00	
27	0093	Nguyễn Trung Hiếu	01/01/1999	Nam	Kinh		ĐH	Giáo dục thể chất	Khá	GV GDTC-THPT MgC		80,00	80,00	
28	0094	Hà Văn Luyện	01/01/1995	Nam	Mường	2	ĐH	Giáo dục thể chất	Khá	GV GDTC-THPT MgC	5,00	56,00	61,00	
29	0095	Xa Văn Lượng	08/05/1991	Nam	Tày	2	ĐH	Giáo dục thể chất	Khá	GV GDTC-THPT MgC	5,00	81,00	86,00	
30	0096	Xa Văn Ten	14/09/1992	Nam	Tày	2	ĐH	Giáo dục thể chất	Khá	GV GDTC-THPT MgC	5,00	50,00	55,00	
31	0097	Quách Hồng Thái	13/06/1992	Nam	Mường	2	ĐH	Giáo dục thể chất	Khá	GV GDTC-THPT MgC	5,00	35,00	40,00	
32	0098	Đinh Thị Kiên	16/08/1994	Nữ	Mường	2	ĐH	Sư phạm Lịch sử	Khá	GV LICH SU-THPT MgC	5,00	75,00	80,00	
33	0099	Bùi Văn Quân	08/07/1988	Nam	Mường	2	ĐH	Sư phạm Lịch sử	Khá	GV LICH SU-THPT MgC	5,00	57,00	62,00	

Ghi chú: Các cột N.Sinh (Năm sinh), GT (Giới tính), D.Tộc (Dân tộc), DUT (Điện ưu tiên), LNT (Loại tốt nghiệp), T.Chỉ (Học theo tín chỉ), ĐHT (Điểm học tập), ĐTN (Điểm tốt nghiệp), BT (Bỏ thi), ĐPV (Điểm phỏng vấn), Tổng (Tổng điểm xét tuyển)

Thư ký



Trần Thị Thu Hà

Hòa Bình, ngày 13 tháng 12 năm 2021

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG



Bùi Thị Kim Tuyền

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TỈNH HÒA BÌNH
HỘI ĐỒNG TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC NĂM 2021

KẾT QUẢ PHÒNG VẤN VÀ TỔNG ĐIỂM XÉT TUYỂN
TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC NĂM 2021

Phòng số:

4

TT	SBD	Họ và tên	N.Sinh	GT	D.Tộc	DUT	T.Độ	Chuyên ngành	LTN	Vị trí tuyển	ĐUT	ĐPV	Tổng	Ghi chú
1	0121	Vàng Thị Dếnh	10/04/1994	Nữ	H'Mông	2	THC	Hành chính - Văn th	Khá	NV VTTQ-DTNT B MC	5,00	51,00	56,00	
2	0122	Mùa Thị Dứa	01/03/1996	Nữ	H'Mông	2	ĐH	Kế toán	Khá	NV VTTQ-DTNT B MC	5,00	65,00	70,00	
3	0123	Vũ Thị Oanh	12/11/1998	Nữ	Kinh		CĐ	Kế toán	Khá	NV VTTQ-DTNT B MC		60,00	60,00	
4	0124	Sùng Y Pai	12/10/1993	Nữ	H'Mông	2	CĐ	Kế toán	Khá	NV VTTQ-DTNT B MC	5,00			Bỏ thi
5	0125	Khà Thị Thảo	13/09/1991	Nữ	Thái	2	CĐ	Văn thư lưu trữ	Khá	NV VTTQ-DTNT B MC	5,00	55,00	60,00	
6	0113	Bùi Thanh Bình	07/12/1992	Nam	Mường	2	ĐH	Giáo dục thể chất	TB	NV GV-DTNT B ĐB	5,00			Bỏ thi
7	0114	Bàn Văn Hồng	22/05/1985	Nam	Dao	2	ĐH	Sư phạm Địa lý	Khá	NV GV-DTNT B ĐB	5,00	65,00	70,00	
8	0115	Nguyễn Trường Long	21/08/1986	Nam	Kinh		ĐH	Sư phạm Địa lý	TB	NV GV-DTNT B ĐB		72,00	72,00	
9	0126	Xa Thị Chon	17/03/1993	Nữ	Tày	2	THC	Hành chính văn phò	Khá	NV VTTQ-DTNT B ĐB	5,00			Bỏ thi
10	0127	Quách Thị Ngọc	13/05/1997	Nữ	Mường	2	CĐ	Kế toán	Giỏi	NV VTTQ-DTNT B ĐB	5,00	45,00	50,00	
11	0128	Đinh Công Phan	01/07/1999	Nam	Mường	2	CĐ	Văn thư hành chính	TB	NV VTTQ-DTNT B ĐB	5,00	55,00	60,00	
12	0116	Bùi Thị Thu Hà	27/11/1992	Nữ	Mường	2	ĐH	Sư phạm Sinh học	TB	NV TBTN-THPT LaS	5,00	58,00	63,00	
13	0117	Bùi Minh Nguyệt	09/12/1990	Nữ	Kinh		ĐH	Sư phạm Sinh học	Khá	NV TBTN-THPT LaS		65,00	65,00	
14	0118	Đinh Thị Quyên	11/09/1997	Nữ	Thái	2	ĐH	Sư phạm Hóa học	Khá	NV TBTN-THPT MC B	5,00	80,00	85,00	
15	0100	Bùi Thị Quý	16/09/1991	Nữ	Mường	2	ĐH	Sư phạm Lịch sử	Khá	GV LICH SU-THPT MgC	5,00	70,00	75,00	
16	0101	Nguyễn Thị Thích	04/06/1997	Nữ	Mường	2	ĐH	Sư phạm Lịch sử	TB	GV LICH SU-THPT MgC	5,00	82,00	87,00	
17	0102	Hà Thị Tinh	26/02/1990	Nữ	Tày	2	ĐH	Sư phạm Lịch sử	Khá	GV LICH SU-THPT MgC	5,00	40,00	45,00	
18	0103	Vũ Việt Trung	14/01/1997	Nam	Kinh		ĐH	Sư phạm Vật lý	Khá	GV LY-THPT YH		55,00	55,00	
19	0104	Nguyễn Thị Ngọc	17/10/1994	Nữ	Mường	2	ĐH	Giáo dục thể chất	Khá	GV GDTC-THPT YH	5,00	40,00	45,00	
20	0105	Nguyễn Văn Việt	17/03/1995	Nam	Kinh	2	ĐH	Giáo dục thể chất	Khá	GV GDTC-THPT YH	5,00	60,00	65,00	
21	0119	Bùi Thị Hạnh	14/09/1996	Nữ	Mường	2	ĐH	Sư phạm Sinh học	Khá	NV TBTN-THPT YH	5,00	50,00	55,00	

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TỈNH HÒA BÌNH
HỘI ĐỒNG TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC NĂM 2021

KẾT QUẢ PHỎNG VẤN VÀ TỔNG ĐIỂM XÉT TUYỂN
TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC NĂM 2021

Phòng số:

4

TT	SBD	Họ và tên	N.Sinh	GT	D.Tộc	DUT	T.Độ	Chuyên ngành	LTN	Vị trí tuyển	ĐUT	ĐPV	Tổng	Ghi chú
22	0120	Hà Văn Yên	19/12/1994	Nam	Tày	2	ĐH	Sư phạm Vật lý	TB	NV TBTN-THPT YH	5,00	55,00	60,00	
23	0129	Phan Thị Bích Hồng	07/04/1993	Nữ	Tày	2	CĐ	Kế toán	Khá	NV VTTQ-THPT YH	5,00	45,00	50,00	
24	0130	Nguyễn Thị Kiểm	01/10/1994	Nữ	Mường	2	ĐH	Kế toán	Khá	NV VTTQ-THPT YH	5,00	55,00	60,00	
25	0109	Nguyễn Thị Duyên	01/01/1983	Nữ	Kinh		ĐH	Giáo dục Mầm non	TBK	GVCSP-CĐSP		60,00	60,00	
26	0110	Bùi Thị Hiền	03/02/1993	Nữ	Mường	2	ĐH	Giáo dục Mầm non	Khá	GVCSP-CĐSP	5,00	40,00	45,00	
27	0111	Bùi Thị Miến	17/05/1990	Nữ	Mường	2	ĐH	Giáo dục Mầm non	TBK	GVCSP-CĐSP	5,00	55,00	60,00	
28	0112	Vũ Hằng Nga	24/09/1999	Nữ	Kinh	2	ĐH	Giáo dục Mầm non	Khá	GVCSP-CĐSP	5,00	55,00	60,00	
29	0106	Hạ Thị Hoài	04/09/1998	Nữ	Kinh		ĐH	Sư phạm Vật lý	Giỏi	GV LY-GDNN LgS		50,00	50,00	
30	0107	Nguyễn Thị Thanh Mỹ	26/05/1983	Nữ	Kinh		ĐH	Sư phạm Vật lý	Khá	GV LY-GDNN LgS		60,00	60,00	
31	0108	Ngô Thị Hương	21/12/1988	Nữ	Kinh	2	ĐH	Văn học	Khá	GV VAN-GDNN TL	5,00	75,00	80,00	

Ghi chú: Các cột N.Sinh (Năm sinh), GT (Giới tính), D.Tộc (Dân tộc), DUT (Diện ưu tiên), LNT (Loại tốt nghiệp), T.Chỉ (Học theo tin chỉ), ĐHT (Điểm học tập), ĐTN (Điểm tốt nghiệp), BT (Bỏ thi), ĐPV (Điểm phỏng vấn), Tổng (Tổng điểm xét tuyển)

Thư ký



Trần Thị Thu Hà

Hòa Bình, ngày 13 tháng 12 năm 2021

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG



Bùi Thị Kim Tuyền